

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Võ Văn Kiệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Anh T1, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Võ Minh T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Anh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T1 và anh Võ Minh T2 chung sống với nhau từ năm 2004 có tổ chức lễ cưới, đến năm 2005 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2023, anh chị phát sinh mâu thuẫn và cãi vã. Nguyên nhân là do anh Minh T2 đi làm ăn xa, vợ chồng không còn tình cảm, anh Minh T2 lại không cùng chị T1 chăm sóc con cái. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T1 yêu cầu ly hôn với anh Minh T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh Minh T2 có 03 con chung là cháu Võ Anh K1, sinh ngày 03/02/2005 đã thành niên, cháu Võ Minh K2, sinh ngày 23/12/2012 và cháu Võ Ngọc Tường V, sinh ngày 04/8/2015. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Minh K2 và cháu V, không yêu cầu anh Minh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T1 không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Võ Minh T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Minh T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Anh T1 yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh T2 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Minh T2 có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Võ Thị Anh T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Võ Minh T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, anh Minh T2.

[3] Về hôn nhân: Chị T1 và anh Minh T2 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 13/6/2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T1 trình bày giữa chị và anh Minh T2 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị T1 yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh Minh T2 để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh Minh T2 đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh Minh T2 không phản đối yêu cầu của chị T1, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh Minh T2 và chị T1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T1 và anh Minh

T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T1 và anh Minh T2 có 03 con chung là cháu Võ Anh K1, sinh ngày 03/02/2005, cháu Võ Minh K2, sinh ngày 23/12/2012 và cháu Võ Ngọc Tường V, sinh ngày 04/8/2015. Hiện tại, cháu Anh K1 đã thành niên, riêng cháu Minh K2 và cháu V đang sống chung với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh K2 và cháu V. Anh Minh T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu và theo nguyện vọng của cháu Minh K2 và cháu V nên cần thiết giao các cháu cho chị T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh Minh T2 được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Anh T1, chị T1 được ly hôn với anh Võ Minh T2.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Minh K2, sinh ngày 23/12/2012 và cháu Võ Ngọc Tường V, sinh ngày 04/8/2015 cho chị Võ Thị Anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Minh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Minh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008572 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T1 đã nộp xong án phí.

Anh Võ Minh T2 không phải nộp án phí hôn nhân gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T1, anh Minh T2 vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm